

ĐỀ ÁN

Tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT

Tỉnh Bắc Giang có nguồn tài nguyên khoáng sản khá đa dạng, gồm nhiều loại khoáng sản như: than, đồng, vàng, cát, sỏi, đất sét gạch, đất san lấp,... Đặc biệt, một số loại khoáng sản có tiềm năng như than trữ lượng tài nguyên khoáng trên 100 triệu tấn, cùng một số loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp, sét gạch ngói).

Để khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên, phát huy lợi thế về tài nguyên khoáng sản của tỉnh, đồng thời đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, trong giai đoạn 2010-2020, UBND tỉnh đã ban hành một số đề án, chỉ thị về tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Sau hơn 10 năm thực hiện, công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã được tăng cường; hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đã từng bước được chấn chỉnh, dần đi vào nề nếp, khai thác khoáng sản đã gắn với bảo vệ môi trường, công tác đấu giá quyền thăm dò và khai thác khoáng sản được triển khai và thực hiện đảm bảo chặt chẽ, đúng trình tự quy định, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hoạt động khoáng sản trái phép cơ bản đã được ngăn chặn, công tác an ninh, trật tự an toàn xã hội tại các khu vực có hoạt động khai thác khoáng sản được giữ vững và ổn định.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, đó là: vẫn còn tái diễn tình trạng khai thác khoáng sản (cát sỏi, đất san lấp...) sai phép, trái phép chưa được xử lý dứt điểm; một số dự án khai thác khoáng sản còn chậm đi vào hoạt động, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước (về thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường) còn chưa đầy đủ, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường của một số đơn vị còn chậm và chưa đầy đủ...

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục các hạn chế, tồn tại nêu trên, trong thời gian tới công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản phải tiếp tục được quan tâm nhiều hơn nữa với sự vào cuộc của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị, vì vậy, việc ban hành Đề án “*Tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025*” là cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Luật Khoáng sản năm 2010;

- Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

- Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 22/12/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;

- Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX; Chương trình toàn khóa của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang, đến năm 2025 định hướng đến 2030;

- Thực trạng công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Phần thứ hai
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong giai đoạn 2010-2020, để tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, UBND tỉnh tiếp tục ban hành một số Đề án, Chỉ thị trong đó mục tiêu tổng quát về công tác quản lý nhà nước tài nguyên khoáng sản là: Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản nhằm quản lý khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên khoáng sản, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội trong lĩnh vực khai thác khoáng sản; Phối hợp quản lý đồng bộ, huy động các cấp, các ngành, các cơ quan đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội xác định và thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn toàn tỉnh. Theo đó, nội dung Đề án đã chỉ rõ nhiệm vụ cụ thể và phân công trách nhiệm thực hiện đến các cấp, các ngành. Kết quả như sau:

1. Công tác quản lý nhà nước

Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, đã có những chuyển biến tích cực, các hoạt động khoáng sản về cơ bản đã từng bước được chấn chỉnh, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quản lý thuộc thẩm quyền. Trên cơ sở các quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản quy định, hướng dẫn liên quan, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, thực thi các chính sách, pháp luật nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh, như: Đề án quản lý, bảo vệ và khai thác khoáng sản vàng gốc tại xã Phong Minh, huyện Lục Ngạn, Đề án quản lý, bảo vệ và khai thác khoáng sản cát, sỏi lòng sông; Quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ để tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quy chế phối hợp trong quản lý bảo vệ khoáng sản trên địa bàn tỉnh; các Quy chế phối hợp trong quản lý, bảo vệ khoáng sản tại các khu vực giáp ranh giữa tỉnh Bắc Giang với các tỉnh: Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Quảng Ninh và thành phố Hà Nội; Chỉ thị về tăng cường quản lý các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (*chi tiết tại phụ lục I kèm theo*).

Ngoài ra, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, đặc biệt trong việc kiểm tra, xử lý, ngăn chặn các hoạt động khoáng sản trái phép; chỉ đạo các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật trong khai thác khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan. Đến nay, các hoạt động khoáng sản trái phép ở nhiều nơi đã được ngăn chặn; công tác an ninh, trật tự an toàn xã hội tại các khu vực có hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh được giữ vững và ổn định.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được quan tâm. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội nghị triển khai, các lớp tập huấn để tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về khoáng sản đến UBND các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản. Trong đó đặc biệt chú trọng các huyện có điểm nóng về hoạt động khoáng sản trái phép như: Lục Nam, Lục Ngạn, Lạng Giang, Tân Yên và Yên Dũng,... Trong các lớp tập huấn đã cung cấp đầy đủ các văn bản pháp luật có liên quan và giải đáp các vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản đến các đối tượng. Thông qua chuyên mục Tài nguyên và môi trường của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và thường xuyên tổ chức giao lưu trực tuyến giữa Sở với các tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Ngoài ra, UBND cấp huyện tổ chức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật về khoáng sản đến mọi đối tượng trên địa bàn.

- Công tác lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản được đẩy mạnh. Giai đoạn 2010-2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt một số quy hoạch liên quan đến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, như:

+ Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông đến năm 2020, phê duyệt tại Quyết định số 18/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 và đã điều chỉnh, bổ sung vào các năm (2015, 2016, 2018)⁽¹⁾. Đã quy hoạch 84 khu vực, tổng diện tích 634,2 ha, tổng tài nguyên dự báo khoảng 13,65 triệu m³ cát, sỏi.

+ Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 và đã điều chỉnh, bổ sung các năm (2014, 2016, 2017, 2018)⁽²⁾ với tổng 97 điểm quy hoạch với tổng diện tích 480,0 ha, tài nguyên dự báo khoảng 55,2 triệu m³.

⁽¹⁾ Tại các Quyết định: số 83/QĐ-UBND ngày 02/3/2015, số 555/QĐ-UBND ngày 22/9/2016; Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2018.

⁽²⁾ Tại Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012) và đã được điều chỉnh, bổ sung tại các Quyết định: số 743/QĐ-UBND ngày 12/6/2014, số 113/QĐ-UBND ngày 26/01/2016, số 974/QĐ-UBND ngày 28/6/2016, số 40/QĐ-UBND ngày 11/01/2017, số 2073/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 và số 1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Quy hoạch vùng nguyên liệu sét sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 và bổ sung tại Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 20/6/2017; tổng số khu vực đã đưa vào quy hoạch là 70 khu vực; tổng diện tích: 2.184,5ha; tổng tài nguyên dự báo khoảng 80,0 triệu m³.

Nhìn chung, công tác Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã gắn với địa chỉ sử dụng cụ thể (cho các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư mới, đường giao thông, thủy lợi,...trên địa bàn tỉnh), bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ cảnh quan, môi trường, đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu đất san lấp, ưu tiên cho các dự án sản xuất gạch trên địa bàn tỉnh; quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi bảo đảm an toàn hệ thống đê điều, giao thông đường thủy nội địa.

Ngoài ra, năm 2020 UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố tập trung rà soát các khu vực có khoáng sản đủ điều kiện khoanh định vào Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bắc Giang. Đến nay, Quy hoạch tỉnh đã hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Công tác thẩm định hồ sơ, cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện chặt chẽ, đúng trình tự theo quy định của pháp luật và chủ trương của Tỉnh ủy, đảm bảo việc khai thác và sử dụng khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và tiết kiệm hơn³; đồng thời gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo khai thác, sử dụng khoáng sản. Việc cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện thông qua hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, phát huy tối đa tiềm năng khoáng sản của địa phương.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát từng bước được tăng cường. Các ngành chức năng ở tỉnh và UBND cấp huyện theo chức năng quản lý và nhiệm vụ được phân công trong Đề án đã chủ động nắm tình hình, tổ chức thanh tra, kiểm tra, kiểm soát. Qua đó đã phát hiện và xử lý các vi phạm, đồng thời đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp thực đúng các chế độ chính sách và quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản.

- UBND cấp huyện, cấp xã đã có nhiều cố gắng thực hiện các biện pháp để tăng cường công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn quản lý. Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, mặt trận tổ quốc đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản. Qua đó, các hoạt động khai thác khoáng sản sai phép, trái phép ở nhiều nơi đã được phát hiện, ngăn chặn và giải quyết kịp thời.

³ Tính đến 31/12/2021, tỉnh Bắc Giang đã tổ chức đấu giá thành công 03 phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở 35 khu vực khoáng sản. Kết quả đã có 25 đơn vị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản của 35 điểm mỏ.

2. Đối với hoạt động khoáng sản

Giai đoạn 2010-2020, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản thông qua hình thức không đấu giá để phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh (chủ yếu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường như đất san lấp, đất sét gạch và cát, sỏi lòng sông); kết quả: đã cấp 65 giấy phép thăm dò khoáng sản (*Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp 04 GP; UBND tỉnh cấp 61 GP*); cấp mới, gia hạn 97 giấy phép khai thác khoáng sản (*Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp 04 GP, UBND tỉnh cấp 93 GP*).

Tính đến ngày 31/12/2021, trên địa bàn tỉnh có 84 Giấy phép khai thác khoáng sản còn thời hạn (trong đó 04 GP do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, 81 GP do UBND tỉnh cấp), bao gồm: 09 GP khai thác than, 07 GP khai thác quặng đồng; 01 GP khai thác barít, 01 GP khai thác đá làm VLXD thông thường; 10 GP khai thác sét gạch, ngói; 25 GP khai thác cát, sỏi; 31 GP khai thác đất san lấp (*chi tiết tại Phụ lục II*).

Về cơ bản, các doanh nghiệp được cấp phép hoạt động khoáng sản đã chấp hành tốt các quy định của Luật Khoáng sản và các pháp luật có liên quan; thực hiện đúng các nội dung của giấy phép, tuân thủ quy trình, quy phạm an toàn lao động, thiết kế mỏ và các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Một số đơn vị đã đầu tư thiết bị, máy móc, sử dụng công nghệ khai thác, chế biến tiên tiến, làm tăng giá trị của một số khoáng sản, như: quặng đồng, than,... Các hoạt động khai thác khoáng sản đã đáp ứng được nguồn nguyên liệu cho các cơ sở chế biến và sử dụng khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế⁴.

Khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản đảm bảo hợp lý, tiết kiệm. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của địa phương, qua đó đã góp phần vào mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp của tỉnh, phát huy tiềm năng thế mạnh về khoáng sản, thu hút đầu tư vào địa bàn.

Các hoạt động khai thác khoáng sản đã cơ bản đáp ứng được nguồn nguyên liệu cho các cơ sở chế biến và sử dụng khoáng sản, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đóng góp nguồn thu cho ngân sách, giải quyết việc làm cho người lao động ở nhiều địa phương; giá trị công nghiệp khai thác chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong sản xuất công nghiệp.

Hàng năm, thu ngân sách từ hoạt động khai khoáng trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng, chiếm tỷ trọng từ 2,5-3% GRDP của tỉnh. Tính đến ngày 31/12/2020, tình hình thu nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh như sau: Thuế tài nguyên 757.008 triệu đồng; Phí BVMT 125.253 triệu đồng; Tiền cấp quyền 152.444 triệu đồng; Thuế bảo vệ môi trường (khoáng sản than) 65.405 triệu đồng (*chi tiết theo bảng dưới đây*).

⁴ Cung cấp: quặng đồng cho các nhà máy chế biến với công suất trên 1000 tấn/năm; than cho nhà máy nhiệt điện với công suất trên 220 MW; các khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ cho xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình dân dụng...

Năm	Thuế tài nguyên (Triệu.đ)	Phí BVMT (Triệu.đ)	Tiền cấp quyền KTKS (Triệu.đ)	Thuế Bảo vệ môi trường (Triệu.đ)
Giai đoạn 2010-2015	220.796	39.750	22.447	
Giai đoạn 2016-2020	536.212	85.503	129.997	65.405
Tổng	757.008	125.253	152.444	65.405

Ngoài việc nộp ngân sách nhà nước, nhiều doanh nghiệp đã thực hiện tốt chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến thông qua việc tuyển dụng lao động tại địa phương, hỗ trợ địa phương xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng,... Tính đến hết năm 2020, các đơn vị hoạt động khoáng sản trên địa bàn đã sử dụng trên 2.120 lao động tại địa phương nơi có hoạt động khoáng sản; đóng góp, hỗ trợ địa phương nâng cấp, sửa chữa, xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, trạm điện, nhà văn hoá, nhà tình nghĩa, trường học,...).

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên khoáng sản đã được tăng cường, xong việc tổ chức thực hiện chưa đa dạng về hình thức, chưa đạt được kết quả như mong muốn.

- Việc đánh giá, dự báo về nhu cầu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế nên dẫn đến hàng năm thường xuyên phải điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản.

- Việc cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường còn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh (cụ thể: mới đáp ứng khoảng trên 60% nhu cầu về đất san lấp cho các dự án; khoảng 40% nhu cầu về nguyên liệu sét gạch,...).

- Vẫn còn xảy ra tình trạng khai thác trái phép cát sỏi, đất làm vật liệu san lấp,... ở một số địa phương, như: cát sỏi trên sông Cầu, sông Lục Nam; đất làm vật liệu san lấp ở hầu hết các huyện;... gây thất thoát tài nguyên, thất thu ngân sách và ảnh hưởng xấu đến môi trường cảnh quan, gây mất an ninh trật tự, an toàn lao động.

- Một số đơn vị khai thác khoáng sản chưa chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về khoáng sản, như: khai thác mỏ không đúng thiết kế; chậm đưa mỏ và hoạt động khai thác theo đúng tiến độ; chậm hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng cam kết; thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; chưa làm tốt công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản, còn để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trong khu

vực được giao quản lý, thậm chí còn một số tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác vượt ra ngoài ranh giới cấp phép đã bị xử lý vi phạm hành chính.

- Việc ký cam kết giữa Chủ tịch UBND cấp xã với Chủ tịch UBND cấp huyện trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa nghiêm.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Chính sách, pháp luật về khoáng sản còn có những bất cập, chưa phù hợp với thực tế, thiếu hoặc chậm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hoặc chậm được sửa đổi, bổ sung gây khó khăn trong công tác quản lý và tổ chức thực hiện, như: thiếu các chế tài, cơ chế chính sách hoặc chế tài xử lý vi phạm chưa phù hợp với hành vi, đối tượng hoặc chưa đủ mạnh, chưa đủ sức răn đe; quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn chưa phù hợp với thực tế; các chính sách quy định hiện hành về hướng dẫn sử dụng phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản chưa cụ thể, rõ ràng.

- Ý thức chấp hành Luật Khoáng sản và các quy định khác liên quan của một số tổ chức, cá nhân còn chưa nghiêm túc. Nhận thức của một số tổ chức, cá nhân về các quy định của pháp luật về khoáng sản chưa đầy đủ. Trong khi nhu cầu nguyên liệu đất san lấp, đắp nền công trình xây dựng, đất sản xuất gạch, ngói của địa phương lớn, lợi nhuận cao; tổ chức, cá nhân khai thác trái phép ngày càng tinh vi, có nhiều biện pháp đối phó với cơ quan chức năng.

- Hoạt động khai thác khoáng sản nhất là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất, đá, cát, sỏi) trái phép mặc dù có giảm, song đôi khi vẫn diễn ra khá phức tạp, thường tiến hành vào ban đêm và ngày nghỉ, ở địa bàn giáp ranh giữa các địa phương, các đối tượng khai thác trái phép ngày một tinh vi, sẵn sàng chống trả quyết liệt, trong khi địa phương lực lượng còn mỏng, phương tiện, công cụ hỗ trợ kiểm tra không có; việc thực hiện quy chế phối hợp kiểm tra, ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép tại khu vực giáp ranh giữa UBND các xã có sông còn nhiều hạn chế.

- Tài nguyên khoáng sản tỉnh Bắc Giang có quy mô trữ lượng nhỏ, phân bố không tập trung, thường ở vùng sâu, vùng xa dẫn đến khó khăn cho các đơn vị được cấp phép khai thác trong việc đầu tư, đổi mới công nghệ khai thác, chế biến hiện đại, tiên tiến.

- Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Chưa có cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ để khai thác, chế biến, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, giảm thiểu tối đa các tác động xấu tới môi trường.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Ý thức, trách nhiệm chấp hành pháp luật về khoáng sản của các doanh nghiệp chưa cao, còn mang tính hình thức, đối phó, tính chất vi phạm ngày càng phức tạp cùng với chế tài xử lý vi phạm chưa đủ sức răn đe đã dẫn đến việc còn tồn tại tình trạng những cơ sở sau khi bị xử lý vi phạm vẫn tiếp tục tái phạm.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của các ngành, các cấp đối với hoạt động khoáng sản đã được tăng cường nhưng chưa thường xuyên, chưa thực sự có hiệu quả, nhiều hành vi, vi phạm chưa được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định.

- Lực lượng cán bộ mặc dù đã được tăng cường song năng lực tham mưu còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu quản lý. Ở cấp huyện, xã cán bộ còn phải kiêm nhiệm nhiều công việc.

- Việc phát hiện và báo cáo thông tin của UBND cấp xã, cấp huyện còn chưa kịp thời. Sự phối hợp giữa UBND cấp xã với UBND cấp huyện chưa thực sự chặt chẽ, đồng bộ trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác từ khâu phát hiện, báo cáo thông tin đến tổ chức kiểm tra, giải tỏa, xử lý vi phạm.

- Việc ngăn chặn, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép của UBND cấp xã, UBND cấp huyện chưa kịp thời, chưa huy động được cả hệ thống chính trị vào cuộc, chưa thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; chưa làm rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể trong việc để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật về khoáng sản trên địa bàn quản lý.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản nhằm quản lý khai thác, sử dụng khoáng sản có hiệu quả kinh tế - xã hội, gắn với bảo vệ môi trường. Cụ thể hóa các quy định của pháp luật về khoáng sản, giúp các ngành, các cấp xác định và phối hợp có hiệu quả thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh

- Quy hoạch khoáng sản đảm bảo đáp ứng nhu cầu về khoáng sản phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, đảm bảo 100% các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang;

- 100% mỏ được cấp phép phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang; việc cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản đúng thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật;

- 100% mỏ phải hoàn thành thẩm định thiết kế khai thác mỏ trước khi đi vào khai thác.

- 100% các cơ sở sản xuất gạch ngói nung, gạch ốp lát,... được cấp phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu hoặc sử dụng nguồn nguyên liệu từ các mỏ khai thác khoáng sản hợp pháp; cấp phép khai thác khoáng sản đáp ứng trên 90% nhu cầu đất san lấp cho các dự án xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2.2. Nâng cao hiệu quả kinh tế- xã hội, gắn với bảo vệ môi trường, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ hoạt động khoáng sản

- 100% mỏ thuộc diện phải đấu giá được tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản để lựa chọn nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật;

- 100% mỏ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh được xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả;

- 100% các mỏ khai thác đúng thiết kế mỏ đã được thẩm định, phê duyệt;

- 100% các mỏ hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi đi vào khai thác;

- 100% doanh nghiệp phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với các mỏ được cấp phép trong kỳ hạn.

2.3. Ngăn chặn kịp thời tình trạng khai thác, tàng trữ, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh

- 100% các vụ việc khai thác, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản trái phép và các hành vi gian lận thương mại khi phát hiện được xử lý đúng quy định của pháp luật.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức, các nhân khai thác khoáng sản và cộng đồng dân cư về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Kịp thời ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản

Tập trung rà soát, kịp thời công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, đề cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng cải cách hành chính, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về khoáng sản và tình hình thực tế của tỉnh. Rà soát những quy định bất cập, chưa phù hợp với thực tế, còn vướng mắc, khó khăn trong công tác quản lý khoáng sản; kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung theo quy định.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, kiến thức pháp luật về tài nguyên khoáng sản và pháp luật khác liên quan

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách, quy định về khoáng sản đến mọi tầng lớp với nhiều hình thức và phương pháp phù hợp để nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành và ý thức chấp hành pháp luật về khoáng sản của các tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý khoáng sản, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản cho cán bộ, công chức thuộc UBND cấp huyện, cấp xã và các lực lượng chuyên ngành để nâng cao kiến thức và ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản tại địa phương.

- Phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị các cấp tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản. Đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách, quy định về quản lý khoáng sản trên Chuyên mục Tài nguyên và Môi trường của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và Báo Bắc Giang.

- Kịp thời hướng dẫn các chủ đầu tư sau khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện tốt các quy định pháp luật để sớm đưa mỏ vào hoạt động: lập và thẩm định thiết kế khai thác mỏ, bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; xây dựng cơ bản mỏ,...

3. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính, kịp thời rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản, đảm bảo rút ngắn thời gian thực hiện, đơn giản hóa quy trình, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) theo quy định.

- Tiếp tục xây dựng, ban hành và chuẩn hóa quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính về khoáng sản theo hướng điện tử hóa, cập nhật quy trình điện tử cho các TTCH để vận hành trên Hệ thống một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công của tỉnh và quốc gia, thời gian xong trong năm 2023.

- Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý; đồng thời thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành về địa chất khoáng sản phục vụ các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành và xây dựng Chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến, hướng dẫn quy trình thực hiện TTHC về khoáng sản và các thủ tục liên quan khi cấp phép đầu tư cho doanh nghiệp; công bố, công khai quy trình hướng dẫn tổng thể TTHC cấp phép hoạt động khoáng sản trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Định kỳ (03 tháng/lần) tổ chức các hội nghị đối thoại để giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp hoạt động khoáng sản trong việc thực thi các quy định của pháp luật về khoáng sản.

4. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy hoạch về tài nguyên khoáng sản

- Định kỳ rà soát, xác định nhu cầu khoáng sản cho phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh để điều chỉnh, bổ sung các điểm, khu vực mỏ khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đã được phê duyệt làm căn cứ cho công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định.

- Công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, các khu vực thuộc diện dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia và các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Thực hiện việc thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản đảm bảo chặt chẽ, đúng trình tự, đúng quy hoạch đã được phê duyệt, nhất là trong cấp phép hoạt động khoáng sản nên gắn khai thác với chế biến, sử dụng khoáng sản để làm ra sản phẩm hàng hóa có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội.

5. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định các hồ sơ, đảm bảo việc tham mưu cấp phép đúng quy định của pháp luật và chủ trương của tỉnh

Nâng cao chất lượng công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản ngay từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khâu tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 7, Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh (viết tắt là Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND). Đặc biệt là xem xét tính phù hợp, minh bạch trong đầu tư; hiệu quả, khả thi về kinh tế, công nghệ sản xuất, công nghệ khai thác mỏ; năng lực của chủ dự án về tài chính, về kinh nghiệm đầu tư đối với lĩnh vực dự án; điều kiện thực tế địa bàn triển khai dự án; các biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; ý thức chấp hành pháp luật về khoáng sản của chủ dự án theo quy định.

6. Nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường

- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh phải thực hiện nghiêm, đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 13, Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND; trong đó tập trung yêu cầu, bắt buộc các tổ chức, cá nhân thực hiện khai thác khoáng sản đúng thiết kế mỏ đã được thẩm định, phê duyệt; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với các mỏ được cấp phép trong kỳ hạn, như: nộp đầy đủ phí bảo vệ môi trường theo sản lượng khai thác, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,... Thực hiện kiểm soát ô nhiễm định kỳ và thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết.

- Sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo tính bền vững, lâu dài, giảm thiểu tới mức tối đa những tác động tiêu cực của hoạt động khoáng sản tới môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội. Khuyến khích các tổ chức cá nhân đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản để tiết kiệm tài nguyên, tăng giá trị của khoáng sản, giảm thiểu tới mức tối đa những tác động tiêu cực tới môi trường. Xây dựng chính sách miễn giảm thuế, tiền sử dụng đất, ưu đãi vốn tín dụng,... cho các tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ trong khai thác, chế biến khoáng sản.

- Đẩy mạnh công tác thăm dò, điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản: Khuyến khích các doanh nghiệp đã được cấp mỏ đầu tư thăm dò mở rộng (các khu vực xung quanh và xuống sâu) nhằm đánh giá đầy đủ, toàn diện tiềm năng

khoáng sản trên địa bàn tỉnh để định hướng cho công tác đầu tư khai thác lâu dài để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo kế hoạch hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trong “Đề án tăng cường quản lý thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh”⁵; trong đó tập trung tăng cường công tác quản lý sản lượng khai thác, chống thất thu thuế, tăng thu cho ngân sách nhà nước từ hoạt động khoáng sản.

- Bảo đảm quyền lợi của địa phương, người dân nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến khoáng sản:

- + Các tổ chức, cá nhân khai thác, khoáng sản phải có kế hoạch chương trình thực hiện các công việc, các hạng mục công trình hỗ trợ theo quy định đến UBND cấp xã; thông báo công khai đến tổ dân phố/thôn/bản để người dân nơi có khoáng sản cử đại diện tham gia giám sát quá trình thực hiện;

- + Kết hợp khai thác với xây dựng hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ, phục hồi môi trường; ưu tiên sử dụng lao động người địa phương, cùng với chính quyền địa phương bảo đảm việc chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân có đất bị thu hồi để khai thác khoáng sản. Trong đó đặc biệt chú trọng đến các địa phương và người dân ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn;

- + Thực hiện việc điều tiết khoản thu từ hoạt động khai thác khoáng sản để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo pháp luật về ngân sách nhà nước.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên khoáng sản

- Chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp với Thanh tra tỉnh xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành tập trung vào nội dung: công tác quản lý nhà nước về khoáng sản của các sở, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã, đặc biệt là trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và việc thực hiện ký cam kết; việc chấp hành các quy định của Giấy phép khai thác và quy định của pháp luật có liên quan của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản; giải quyết kịp thời các đơn thư, khiếu nại, tố cáo về tài nguyên khoáng sản; tăng cường kiểm tra việc chấp hành tuân thủ thiết kế mỏ, công suất khai thác và việc chấp hành các nghĩa vụ tài chính đối với các mỏ được cấp phép.

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân sau cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân theo quy định.

8. Ngăn chặn tình trạng khai thác, tàng trữ, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh

- Thực hiện nghiêm trách nhiệm, nhiệm vụ, giải pháp trong việc quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo Điều 9 Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND

⁵ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 29/10/2010.

và các Đề án quản lý, bảo vệ khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt⁶. Hàng năm, UBND các cấp có kế hoạch bố trí đủ kinh phí đảm bảo cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

- Thực hiện tốt Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại các khu vực giáp ranh giữa tỉnh Bắc Giang với các tỉnh: Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Bắc Ninh và thành phố Hà Nội.

- Thành lập, kiện toàn tổ/đội công tác liên ngành của UBND cấp huyện kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản sai phép, trái phép trên địa bàn quản lý (trong đó giao lực lượng công an làm nòng cốt, nhất là đối với cát, sỏi lòng sông). Đối với cấp xã, thành lập tổ/đội kiểm tra liên ngành về khoáng sản ở các xã có nhiều khoáng sản; xây dựng quy chế làm việc, xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên; khi có hoạt động khoáng sản trái phép cần huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc để tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân không tham gia khai thác, thu mua, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép.

- Tăng cường hoạt động của tổ/đội công tác, kiểm tra liên ngành về khoáng sản của cấp huyện, cấp xã: Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra liên ngành. Tăng cường hoạt động kiểm tra đột xuất các khu vực thường dễ xảy ra khai thác trái phép (đặc biệt là các hoạt động khai thác đất san lấp xảy ra khá phổ biến); qua kết quả kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân theo quy định.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo, cung cấp thông tin: Khi xảy ra các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, UBND cấp xã chủ động, kịp thời tổ chức ngăn chặn, giải toả và báo cáo UBND cấp huyện; UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Xử lý nghiêm các vi phạm của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu nêu để xảy ra tình trạng khai thác, tàng trữ, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép, sai phép trên địa bàn quản lý. Khi các đơn vị, địa phương xác minh, giải quyết vụ việc xác định có dấu hiệu tội phạm phải chuyển hồ sơ đến cơ quan cảnh sát điều tra để kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định.

- Tổ chức thực hiện việc ký cam kết về trách nhiệm trong công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn giữa Chủ tịch UBND cấp huyện với Chủ tịch UBND tỉnh; giữa Chủ tịch UBND cấp xã với Chủ tịch UBND cấp huyện. Định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) tổ chức tổng kết để kiểm điểm trách nhiệm theo các nội dung đã ký kết.

9. Thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2025

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

⁶ Đề án quản lý, bảo vệ và khai thác khoáng sản vàng gốc tại xã Phong Minh, huyện Lục Ngạn được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 31/7/2012. Đề án quản lý, bảo vệ và khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 23/3/2015.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố trong việc triển khai thực hiện Đề án; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Đề án của các ngành, các cấp (trước ngày 25/12 hàng năm) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của UBND tỉnh; kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các giải pháp cụ thể để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án; tham mưu tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, quản lý trong lĩnh vực khoáng sản; khoanh định và trình phê duyệt khu vực cấm hoạt động khai thác, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức thẩm định, phê duyệt trữ lượng, công nhận tài nguyên khoáng sản thuộc thẩm quyền; xác định tiên cấp quyền khai thác khoáng sản mà tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản phải nộp cho Nhà nước; quyết định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; phê duyệt Kế hoạch đấu giá và tổ chức thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn theo quy định; thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm trong hoạt động khoáng sản và công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản ở các địa phương.

- Định kỳ rà soát Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh thuộc nội dung Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung theo quy định nhằm kịp thời, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

- Chủ trì rà soát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực khoáng sản để kịp thời tham mưu kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản mới cho phù hợp.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý theo quy định đối với hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân, nhất là đối với hành vi thực hiện không đúng nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản. Tham mưu cho UBND tỉnh đình chỉ hoặc thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản đối với những khu vực khai thác không hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản theo quy định. Tham mưu chế tài xử lý đối với hành vi vận chuyển khoáng sản không đúng địa điểm được quy định trong giấy phép đã được cấp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện kiểm tra, rà soát đối với các nhà máy gạch tuynel đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Kiên quyết xử lý, đình chỉ hoạt động đối với các nhà máy gạch tuynel chưa được cấp phép mỏ sét gạch ngói hoặc chưa có nguồn nguyên liệu sét gạch ngói hợp pháp.

- Tập trung đôn đốc các doanh nghiệp khai thác khoáng sản khẩn trương thực hiện nghiêm việc cải tạo, phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ đối với các giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hiệu lực. Phối hợp đôn đốc việc thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ tài chính.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, người đứng đầu chính quyền địa phương các cấp để xảy ra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, nhất là đối với hoạt động khai thác cát, sỏi, đất san lấp.

- Đẩy mạnh việc kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh các biện pháp ngăn chặn, xử lý các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về khoáng sản, môi trường, đất đai, di tích lịch sử- văn hóa trên địa bàn tỉnh liên quan đến hoạt động khoáng sản, các trường hợp lợi dụng san gạt mặt bằng, nạo vét khơi thông dòng chảy để khai thác khoáng sản trái phép.

- Kiểm tra, xác định ranh giới tại thực địa khu vực khai thác khoáng sản; quá trình bàn giao mốc thông báo, phối hợp với Công an tỉnh để phục vụ công tác theo dõi, giám sát quản lý. Công bố các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để nhân dân được biết và quản lý, giám sát.

- Thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất khoáng sản, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, đáp ứng yêu cầu các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành và xây dựng Chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử.

- Thực hiện các quy định pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Sở Công Thương

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng) theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND cấp huyện rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các khu vực, mỏ khoáng sản vào Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nâng cao chất lượng thẩm định thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ, thiết kế mỏ (trừ mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường). Kiên quyết đình chỉ đối với những mỏ khai thác không đúng thiết kế mỏ, những mỏ chưa có thiết kế mỏ theo quy định; đình chỉ việc nổ mìn, thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với những mỏ khoáng sản không đảm bảo an toàn theo quy định. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành khai thác đúng thiết kế mỏ (trừ mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng) đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện thiết kế mỏ, quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan kiểm tra, xử lý theo quy

định đối với các cơ sở chế biến sử dụng khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp; các cơ sở chế biến khoáng sản có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện xuất khẩu khoáng sản (có nguồn gốc tại các mỏ thuộc địa bàn tỉnh Bắc Giang); tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất số liệu xuất khẩu khoáng sản theo chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Sở Xây dựng

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND cấp huyện rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các khu vực, mỏ khoáng sản vào Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tăng cường công tác quản lý việc khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt; đảm bảo việc khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phải gắn liền với bảo vệ môi trường, cảnh quan và an toàn lao động. Nâng cao chất lượng thẩm định thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ, thiết kế mỏ (đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng). Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện thiết kế mỏ đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành khai thác đúng thiết kế mỏ (đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng) đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, rà soát đối với các nhà máy gạch tuynel đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; đề xuất cấp có thẩm quyền không bổ sung quy hoạch đối với các nhà máy gạch khi chưa có nguồn nguyên liệu đất sét gạch hợp pháp theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện có liên quan trong việc cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thẩm định, trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có liên quan đến hoạt động khoáng sản cho các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu UBND tỉnh xem xét, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án có vi phạm pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản hoặc không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính trong khai thác khoáng sản theo quy định. Không tham mưu chấp thuận đầu tư các dự án không phù hợp quy hoạch, công nghệ lạc hậu có nguy cơ ô nhiễm cao hoặc không đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường.

5. Sở Tài chính

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, kế toán của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản.

- Tham mưu điều chỉnh bảng giá tối thiểu tính thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo cân đối kinh phí theo quy định đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản và các nhiệm vụ theo Đề án.

- Hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp huyện trong việc quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đúng mục đích, có hiệu quả để cải tạo, phục hồi môi trường, đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, tu bổ hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng tại địa phương nơi bị ảnh hưởng trực tiếp do hoạt động khoáng sản gây ra.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thanh tra, kiểm tra xử lý các hoạt động khoáng sản vi phạm đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, các công trình thủy lợi, đê, kè, cầu, cống và các vi phạm khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy lợi, Luật Đê điều, Luật Trồng trọt.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thanh tra, kiểm tra xử lý các hoạt động khoáng sản vi phạm đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, các công trình thủy lợi, đê điều và thực hiện khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

7. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, chính quyền địa phương tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật của Bộ luật Lao động, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật Bảo hiểm xã hội... Kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động và thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

8. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh trong việc xác định phạm vi, quy mô, ranh giới các khu vực thuộc phạm vi bảo vệ an toàn tuyến luồng, các công trình trên sông thuộc thẩm quyền quản lý; phê duyệt, thanh tra, kiểm tra các dự án nạo vét, khơi thông luồng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền; kiên quyết đình chỉ các dự án lợi dụng việc nạo vét khơi thông dòng chảy để khai thác cát sỏi trái phép, thi công không đúng chuẩn tắc thiết kế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý các tổ chức, cá nhân, chủ phương tiện khai thác, vận chuyển khoáng sản vi phạm các quy định về an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất các đề tài, dự án nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong

khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản. Tổ chức thẩm định hoặc tham gia ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư có sử dụng công nghệ trong khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản theo quy định.

10. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có chứa quy phạm pháp luật về khoáng sản do HĐND, UBND tỉnh, cấp huyện ban hành để tham mưu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ; tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành.

- Cập nhật, đăng tải văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Hệ thống thông tin pháp luật tỉnh; hướng dẫn, chỉ đạo việc xây dựng tủ sách pháp luật của UBND cấp huyện và cấp xã có nội dung tài liệu văn bản pháp luật về khoáng sản.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện tổ chức các lớp bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý khoáng sản, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản cho cán bộ, công chức thuộc UBND cấp huyện, cấp xã và các lực lượng chuyên ngành.

- Phối hợp trong việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

11. Công an tỉnh

- Chủ trì trong việc điều tra, triệt phá các đường dây, tổ chức, cá nhân khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép khoáng sản. Chỉ đạo công an các địa phương phối hợp với chính quyền các cấp, các cơ quan chức năng liên quan ngăn chặn hiệu quả và xử lý nghiêm theo quy định đối với các hành vi vi phạm về khai thác khoáng sản, gây ô nhiễm môi trường; vận chuyển, tập kết, kinh doanh và sử dụng khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp, đặc biệt là đối với đất san lấp, sét gạch, cát, sỏi lòng sông,...; các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, xuất, nhập khẩu trái phép khoáng sản.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng nắm tình hình, trao đổi thông tin, nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm đối với các hành vi khai thác, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ trái phép khoáng sản. Kịp thời xác minh, điều tra, xử lý nghiêm các vụ việc trốn thuế đối với hoạt động khai thác, vận chuyển tài nguyên khoáng sản có dấu hiệu tội phạm pháp luật hình sự do cơ quan Thuế và các cơ quan có liên quan đề nghị giải quyết; kịp thời chuyển hồ sơ, vụ việc qua điều tra, xác minh có sai phạm về thuế nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự để cơ quan Thuế xử lý truy thu và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Phối hợp với Cục Thuế tỉnh, UBND cấp huyện trong việc trao đổi thông tin, xác minh, xử lý kịp thời các trường hợp trốn thuế, gian lận thuế; hỗ trợ quá trình điều tra, xác minh để thu hồi thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh có tình nợ tiền thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; xử lý nghiêm các hành vi mua bán hóa đơn bất hợp pháp để hợp thức hóa khoáng sản khai thác trái phép.

12. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Phối hợp với các sở, ngành trong việc lập điều chỉnh, bổ sung Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; khoanh định khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

13. Cục Thuế tỉnh

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc kê khai chấp hành các quy định về thuế, phí và lệ phí của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành nghĩa vụ kê khai và nộp thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các hành vi gian lận, trốn tránh nghĩa vụ thuế, phí và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý, sử dụng hóa đơn đối với việc mua bán tài nguyên khoáng sản, ngăn chặn hành vi mua bán hóa đơn, hợp thức hóa chứng từ.

- Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành, các đơn vị liên quan rà soát, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các nghĩa vụ tài chính của các tổ chức, cá nhân đã được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; đôn đốc xử lý nợ đọng tiền thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, các nghĩa vụ tài chính khác của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp chống thất thu thuế trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm tra việc chấp hành các nghĩa vụ tài chính đối với các mỏ được cấp phép trong kỳ hạn.

14. Cục Quản lý thị trường tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc mua bán, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản trái phép và các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực khoáng sản để kịp thời ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Thông qua công tác kiểm tra, kiểm soát về khoáng sản, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác, chế biến, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh khoáng sản.

15. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh

Chủ trì, phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các chuyên mục, phóng sự, bài viết về tình hình hoạt động khoáng sản và phổ biến các quy định pháp luật về khoáng sản; biểu dương những tấm gương điển hình, tiên tiến hoặc phê phán các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về khoáng sản.

16. UBND các huyện, thành phố

- Xác định công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực khoáng sản là nhiệm vụ trọng tâm của địa phương trong thời gian tới; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án và quy định pháp luật về khoáng sản xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm ở địa phương, nhất là ở các địa phương có nhiều cơ sở hoạt động khoáng sản; phối hợp các sở, ngành tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý tài nguyên khoáng sản thuộc địa bàn quản lý.

- Tập trung chủ trì, phối hợp, tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Đồng thời tổ chức kiểm tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các hoạt động khai thác, chế biến, mua bán, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn. Khi cần thiết, huy động và chỉ đạo các lực lượng trên địa bàn phối hợp để giải tỏa, ngăn chặn ngay các hoạt động khoáng sản trái phép.

+ Thực hiện tốt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh. Xây dựng quy chế phối hợp trong công tác quản lý hoạt động khoáng sản tại các khu vực giáp ranh giữa các huyện, thành phố. Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép; Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về tài nguyên khoáng sản sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân địa phương thông qua nhiều hình thức, chú trọng tập trung tuyên truyền, giáo dục pháp luật về khoáng sản ở các địa phương có nhiều hoạt động khoáng sản trái phép, trong đó Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chủ trì phối hợp với Đảng ủy, HĐND, UBND cấp xã tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của Luật Khoáng sản, các quy định của UBND tỉnh và các nội dung của Đề án này. Thành phần tham gia hội nghị có mời tới các trưởng xóm, thôn, tổ dân phố, bí thư chi bộ, trưởng các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, nông dân của các xóm, thôn, tổ dân phố.

+ Phối hợp với ngành chức năng của tỉnh trong việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản và kiểm tra, xử lý các vi phạm các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn quản lý trong việc chấp hành các quy định về môi trường, sử dụng đất, bảo vệ an toàn hệ thống cầu đường, nghĩa vụ ngân sách, đóng góp xây dựng và bảo vệ công trình hạ tầng cơ sở...

+ Báo cáo với UBND tỉnh, các ngành chức năng ở tỉnh đồng thời đề xuất biện pháp xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của giấy phép hoạt động khoáng sản, các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khoáng sản. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát, giải tỏa, xử lý theo thẩm quyền đối với các hoạt động khoáng sản, chế biến, mua bán, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn. Báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15 tháng 12 hàng năm về tình hình quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương.

- Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý mà không kịp thời kiểm tra, xử lý.

17. UBND các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã)

UBND cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định trên địa bàn và một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Đối với hoạt động khoáng sản được cấp giấy phép: Giám sát, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khoáng sản về biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng đất, cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội của địa phương, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương. Nếu để xảy ra việc các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động trên địa bàn khai thác vượt ranh giới cấp phép thì Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã phải bị kiểm điểm trách nhiệm trước Bí thư Huyện ủy và Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Đối với khoáng sản chưa khai thác:

+ Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản đến toàn thể nhân dân trên địa bàn quản lý.

+ Quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác. Phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khoáng sản trái phép; phối hợp với các cơ quan chức năng bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

+ Kiểm tra, giám sát, xử lý theo thẩm quyền các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản trái phép.

+ Trục xuất ra khỏi địa bàn các đối tượng khai thác, chế biến khoáng sản trái phép không phải là người địa phương.

- Đối với các điểm nóng về khai thác khoáng sản trái phép:

+ Yêu cầu cả hệ thống chính trị của xã gồm: Đảng ủy, HĐND, UBND, các đoàn thể chính trị, xã hội đồng bộ vào cuộc để tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên.

+ Xử lý nghiêm theo thẩm quyền đối với các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép. Trường hợp cố tình vi phạm lập hồ sơ đúng quy định gửi cơ quan chức năng để xử lý.

+ Kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép và tham gia hoạt động khoáng sản trái phép.

- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn. Nếu để xảy ra việc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trái phép không kịp thời phát hiện, xử lý hoặc để tái diễn thì Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã phải bị kiểm điểm trách nhiệm trước Bí thư Huyện ủy và Chủ tịch UBND huyện.

- Tích cực tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia giám sát các hoạt động khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; phát

hiện và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương và báo cáo các cơ quan chức năng có thẩm quyền các trường hợp vi phạm pháp luật về khoáng sản để giải quyết kịp thời.

- Định kỳ hàng năm báo cáo UBND cấp huyện (trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12) về tình hình quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương.

18. Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

- Chịu trách nhiệm tuân thủ các định pháp luật về khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan; thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết để đảm bảo hạn chế, giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động xấu đến môi trường.

- Lập sổ sách, chứng từ, tài liệu về kỹ thuật và tài chính để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế.

- Lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác; lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan.

- Định kỳ hàng tháng, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thống kê, tính toán, cập nhật số liệu trong sổ sách, tài liệu quy định để khai báo sản lượng tính thuế tài nguyên khoáng sản và xác định sản lượng khai thác hàng năm trong báo cáo định kỳ khai thác khoáng sản để gửi cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

- Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều 55 của Luật Khoáng sản năm 2010, trong đó chủ động và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương:

+ Bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên diện tích được phép khai thác và bảo quản khoáng sản đã khai thác nhưng chưa được sử dụng;

+ Khai thác hợp lý, tiết kiệm, tận thu tối đa khoáng sản; bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh lao động; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường;

+ Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự an toàn xã hội tại địa phương nơi có mỏ được khai thác;

+ Thực hiện các nghĩa vụ về bảo đảm quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác như kết hợp yêu cầu của hoạt động khai thác với việc đầu tư cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường, môi sinh và đất đai; ưu tiên thu hút lao động địa phương vào các hoạt động khoáng sản và các dịch vụ liên quan;

+ Thực hiện các quy định về ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật; đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường, môi sinh, đất đai khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

- Bố trí đầy đủ cán bộ có chuyên môn về địa chất khoáng sản, môi trường, đất đai để đảm nhiệm các công việc của đơn vị.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực có trách nhiệm giúp UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; theo dõi báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện, chủ động tham mưu, đề xuất các biện pháp để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án; định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá, kiểm điểm, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện Đề án, tham gia bình xét thi đua hàng năm đối với mỗi tổ chức, cá nhân; tổng hợp kết quả thực hiện Đề án của các đơn vị, báo cáo UBND tỉnh (trước ngày 25 tháng 12) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng quản lý và nhiệm vụ được phân công trong Đề án, xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện các nội dung của Đề án. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Đề án (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường - Cơ quan thường trực) trước ngày 15 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của UBND tỉnh.

Trên đây là Đề án “Tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025”, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

**PHỤ LỤC I. TỔNG HỢP VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG (GIAI ĐOẠN 2010-2021)**

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành	Tên trích yếu văn bản
1.	Kế hoạch	số 20-KH/TU ngày 14/5/2012	Ban thường vụ Tỉnh ủy	Về việc thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
2.	Kế hoạch	số 79-KH/TU ngày 09/10/2019	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Về thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
3.	Nghị quyết	số 30/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011; số 10/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014	HĐND tỉnh	Quy định mức thu và tỷ lệ điều tiết một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh
4.	Nghị quyết	số 13/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015	HĐND tỉnh	Quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
5.	Nghị quyết	số 05/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017	HĐND tỉnh	về việc quy định mức thu và tỷ lệ điều tiết phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh
6.	Quyết định	số 386/2012/QĐ-UBND ngày 07/11/2012	UBND tỉnh	về Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
7.	Quyết định	24/QĐ-UBND ngày 22/01/2013	UBND tỉnh	Về việc ban hành Chương trình thực hiện Kế hoạch 20-KH/TU thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW
8.	Quyết định	số 194/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013	UBND tỉnh	Về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông và sử dụng bãi ven sông chứa cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành	Tên trích yếu văn bản
9.	Quyết định	số 218/QĐ-UBND ngày 29/5/2013	UBND tỉnh	Về việc phê duyệt danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh đảm bảo đúng quy định
10.	Kế hoạch	số 60/KH-UBND ngày 22/5/2014	UBND tỉnh	Về việc triển khai Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
11.	Quyết định	số 265/2014/QĐ-UBND ngày 19/5/2014	UBND tỉnh	Về việc ban hành Quy định quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
12.	Quyết định	số 692/2014/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	UBND tỉnh	Quy định tỷ lệ quy đổi gạch ngói thành phẩm ra khoáng sản sét nguyên khai sử dụng để sản xuất gạch ngói của các cơ sở sản xuất gạch, ngói nung trên địa bàn tỉnh
13.	Quyết định	số 337/2015/QĐ-UBND ngày 14/8/2015; số 803/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	UBND tỉnh	Về việc quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
14.	Quyết định	số 653/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	UBND tỉnh	Về việc Quy định giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh
15.	Quyết định	số 34/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018	UBND tỉnh	Về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể,... và cho phép san gạt mặt bằng, hạ cốt nền trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
16.	Quyết định	số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	UBND tỉnh	Quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai để làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành	Tên trích yếu văn bản
17.	Quyết định	số 53/QĐ-UBND ngày 22/01/2019	UBND tỉnh	về việc quy định giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (năm 2019)
18.	Quyết định	số 1016/QĐ-UBND ngày 27/12/2019	UBND tỉnh	về việc quy định giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (năm 2020)
19.	Quyết định	số 1195/QĐ-UBND ngày 23/12/2020	UBND tỉnh	Quy định giá thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2021
20.	Quyết định	số 44/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	UBND tỉnh	Về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể; thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; cho phép san gạt mặt bằng, hạ cốt nền trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
21.	Quyết định	số 07/2020/QĐ-UBND ngày 08/4/2020	UBND tỉnh	Về việc bãi bỏ Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh
22.	Quyết định	số 21/2020/QĐ-UBND ngày 07/7/2020	UBND tỉnh	Bãi bỏ Quyết định số 194/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 quy định quản lý hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông và sử dụng bãi ven sông chứa cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
23.	Quyết định	số 26/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	UBND tỉnh	Ban hành quy chế phối hợp trong quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
24.	Quyết định	số 1023/QĐ-UBND ngày 31/7/2012	Chủ tịch UBND tỉnh	Về ban hành Đề án quản lý, bảo vệ và khai thác khoáng sản vàng gốc tại xã Phong Minh, huyện Lục Ngạn.
25.	Quyết định	số 102/QĐ-UBND ngày 23/3/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	Phê duyệt Đề án quản lý, bảo vệ và khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020.

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành	Tên trích yếu văn bản
26.	Chỉ thị	số 02/CT-UBND ngày 21/02/2012	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh tình trạng khai thác trái phép trên địa bàn.
27.	Chỉ thị	số 03/CT-UBND ngày 28/03/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển và tiêu thụ cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
28.	Chỉ thị	số 09/CT-UBND ngày 21/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tăng cường các biện pháp quản lý hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
29.	Công văn	số 1785/UBND-TN ngày 27/6/2016	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tăng cường kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác, san gạt mặt bằng, hạ cốt nền và vận chuyển đất san lấp mặt bằng, đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
30.	Công văn	số 204/UBND-TN ngày 20/01/2017	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong khai thác cát, sỏi khu vực xã Trí Yên, huyện Yên Dũng và các xã Đan Hội, Vũ Xá, Yên Sơn, huyện Lục Nam.
31.	Công văn	số 1597/UBND-TN ngày 17/5/2017	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.
32.	Công văn	số 1695/UBND-TN ngày 24/5/2017	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong khai thác, vận chuyển đất san lấp, sét làm gạch ngói
33.	Công văn	số 2660/UBND-TN ngày 04/8/2017	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tập trung cao điểm xử lý vi phạm trong khai thác cát, sỏi trên sông

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành	Tên trích yếu văn bản
34.	Công văn	số 4549/UBND-TN ngày 27/12/2017	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tăng cường quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.
35.	Công văn	số 84/UBND-TN ngày 11/01/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tập trung cao điểm xử lý vi phạm trong khai thác cát, sỏi lòng sông và tập kết, kinh doanh trái phép cát, sỏi.
36.	Công văn	số 948/UBND-TN ngày 30/3/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc giải tỏa bãi ven sông chứa cát, sỏi không nằm trong quy hoạch tại các huyện, thành phố.
37.	Công văn	số 1333/UBND-TN ngày 26/4/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	Rà soát, kiểm tra, xử lý các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản không thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, khoáng sản, môi trường và các quy định về kiểm soát hoạt động khoáng sản.
38.	Công văn	số 2932/UBND-TN ngày 30/8/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tập trung xử lý vi phạm trong khai thác cát trên địa bàn các xã Đan Hội, Cương Sơn, Bắc Lũng, huyện Lục Nam.
39.	Công văn	số 3259/UBND-TN ngày 25/9/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc chấn chỉnh, xử lý vi phạm trong quản lý, khai thác, vận chuyển đất trên một số xã của huyện Tân Yên và xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa.
40.	Công văn	số 487/UBND-TN ngày 15/02/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	về việc thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách để quản lý hoạt động khai thác cát, sỏi
41.	Công văn	số 1700/UBND-TN ngày 21/5/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	về việc đấu tranh phòng, chống tội phạm và xử lý vi phạm pháp luật trong khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh
42.	Công văn	số 3948/UBND-TN ngày 31/10/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	về việc chấn chỉnh công tác quản lý; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong khai thác, tập kết, vận chuyển đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
43.	Công văn	số 1871/UBND-GT ngày 03/6/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	về việc kiểm tra, xử lý tình trạng khai thác đất trái phép dọc tuyến đường cao tốc Bắc Giang-Lạng Sơn

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành	Tên trích yếu văn bản
44.	Công văn	số 4460/UBND-TN ngày 13/12/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	về việc tăng cường quản lý và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát, sỏi
45.	Công văn	số 1886/UBND-MT ngày 06/5/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	V/v triển khai thực hiện Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh
46.	Công văn	số 3101/UBND-TN ngày 16/7/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc tăng cường quản lý hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ bãi sông trên địa bàn tỉnh

**PHỤ LỤC II. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG (ĐẾN NGÀY 31/12/2021 CÒN THỜI HẠN)**

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/công suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn Giấy phép
I	Giấy phép do Trung ương cấp (04 GP)							
1.	2543/GP-BTNMT ngày 12/11/2014	Bộ TN&MT	Tổng Công ty Đông Bắc	Mỏ than Đồng Rì, xã Thanh Sơn và xã Thanh Luận, huyện Sơn Động	Than	1.205,0	9.490.932/ 640.047	12 năm
2.	2194/GP-TNMT ngày 29/8/2019			Mỏ than Đồng Rì, xã Thanh Sơn và xã Thanh Luận, huyện Sơn Động	Than	39,0	501.964/ 181.020	03 năm
3.	18/GP-BTNMT ngày 11/01/2011	Bộ TN&MT	Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Giang	Mỏ Barit Lang Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên	Quặng Barit	2,6	223.143/ 10.000	24 năm
4.	2956/GP-BTNMT ngày 22/12/2016			Mỏ than Bó Hạ thuộc xã Đồng Hưu, Đông Sơn, Hương Vỹ, huyện Yên Thế	Than	76,5	1.659.206/ 100.000	26 năm
II	Giấy phép do UBND tỉnh cấp							
II.1	Than (06 GP)							
5.	849/QĐ-UBND ngày 03/6/2008	UBND tỉnh	Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Tam Cường	Mỏ than khu Nam Bó Hạ, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế	Than	27,2	733.327/ 50.000	6/2023
6.	97/QĐ-UBND ngày 20/01/2009	UBND tỉnh	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Việt Hoàng	Khu I, mỏ than Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	Than	20,0	392.700/ 20.000	02/2029
7.	1119/QĐ-UBND ngày 21/7/2008	UBND tỉnh	Công ty cổ phần Hợp Nhất	Mỏ than Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	Than	275,6	2.044.000/ 100.000	8/2030
8.	868/QĐ-UBND ngày 02/6/2009	UBND tỉnh		Khu IV, mỏ than Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	Than	98,8	1.730.000/ 60.000	5/2036
9.	282/QĐ-UBND ngày 13/7/2015	UBND tỉnh		Khu VI, mỏ than Nước Vàng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	Than	77,0	403.004/ 20.000	7/2033

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/công suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn Giấy phép
10.	304/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	UBND tỉnh	Công ty cổ phần khoa học sản xuất mỏ Bắc Giang (nhận chuyển nhượng của Công ty CP Thiên Lâm Đạt)	Mỏ than Đông Nam Chũ, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	Than	125,5	100.621/ 15.000	01/2024
II.2	Quặng đồng (08 GP)							
11.	244/QĐ-UBND ngày 18/6/2015	UBND tỉnh	Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường	Khu Làng Đình (Dộc Ta), thôn Cãi, xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn	Quặng đồng	5,3	21.099/ 1.500	6/2030
12.	243/QĐ-UBND ngày 18/6/2015	UBND tỉnh		Khu Trại Bát (Bu Lu), thôn Bầu, xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn	Quặng đồng	3,3	28.085/ 2.230	6/2030
13.	245/QĐ-UBND ngày 18/6/2015	UBND tỉnh		Khu Cầu Nhạc, xã Phong Vân, huyện Lục Ngạn	Quặng đồng	58,7	26.881/ 2.230	6/2030
14.	279/QĐ-UBND ngày 09/7/2015	UBND tỉnh		Khu Khuôn Lương, xã Tân Hoa, huyện Lục Ngạn	Quặng đồng	30,9	36.745/ 3.050	7/2030
15.	1321/QĐ-UBND ngày 05/9/2006	UBND tỉnh	Công ty cổ phần Anh Phong	Khu vực Phú Nhuận, Gốc Toàn, xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn	Quặng đồng	67,0	95.000/ 6.000	9/2021
16.	641/QĐ-UBND ngày 29/4/2008			Khu vực thôn Cãi, xã Biên Sơn; thôn Vòng Ngoan (Hộ Đáp), xã Thanh Hải, xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn	Quặng đồng	379,0	540.000/ 36.000	5/2023
17.	645/QĐ-UBND ngày 02/5/2008			Mỏ đồng Góc Sáu, xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động	Quặng đồng	285,0	360.000/ 24.000	5/2023
II.3	Đá VLXD (01 GP)							
18.	467/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	UBND tỉnh	Công ty TNHH Đức Thắng	Xóm Đông, xã An Lạc, huyện Sơn Động	Đá VLXD	8,7	1.819.910/ 40.000	24 năm

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/công suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn Giấy phép
II.4	Đất sét gạch ngói (10 GP)							
19.	08/QĐ-UBND ngày 06/01/2016	UBND tỉnh	Công ty TNHH Đại Hồng Phúc	Đồi Rông (Rừng Dinh), thôn Đại Giáp, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang	Sét gạch ngói	3,6	542.941/ 93.000	07 năm
20.	101/QĐ-UBND ngày 23/02/2017	UBND tỉnh	Công ty TNHH vận tải Sông Lục	Khu vực Non Cham, thôn Văn Giang, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam	Sét gạch ngói	4,3	85.150/ 20.000	05 năm
21.	374/QĐ-UBND ngày 11/6/2019	UBND tỉnh	Công ty cổ phần gạch Trường Sơn Bắc Giang	Khu thôn Thịnh Long, thôn Long Xá, thôn Thạch Xá, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng	Sét gạch ngói	20,0	734.733/ 59.000	12 năm
22.	605/QĐ-UBND ngày 21/8/2019	UBND tỉnh	Công ty TNHH Hoàng Mạnh Việt	Khu Cánh Cốc, Đồng Cò, thôn Vườn, xã Đan Hội, H. Lục Nam	Sét gạch ngói	7,5	262.800/ 32.850	08 năm
23.	882/QĐ-UBND ngày 15/11/2019	UBND tỉnh	Công ty TNHH Thăng Lợi	Khu vực thôn Nam Sơn, xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng	Sét gạch ngói	5,0	250.780/ 31.707	30/5/2027
24.	939/QĐ-UBND ngày 05/12/2019	UBND tỉnh	Công ty cổ phần Cầu Sen	Khu IA, mỏ sét Cầu Sen, xã Tam Dị và thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	Sét gạch ngói	4,6	268.753/ 35.000	19/9/2027
25.	240/QĐ-UBND ngày 30/03/2020	UBND tỉnh	Công ty TNHH Gạch Ngói Trí Yên - Bắc Giang	Khu vực Thôn Sơn Hùng, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng	Sét gạch ngói	3,0	278.027/ 34.000	05/2027
26.	750/QĐ-UBND Ngày 23/8/2020	UBND tỉnh	Công ty CP Thiên Phú	Tại dự án Nhà máy gạch tuynel khu vực thôn Đồng Dinh, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam	Sét gạch ngói	2,5	482.428/ 54.500	9 năm
27.	880/QĐ-UBND Ngày 29/9/2020	UBND tỉnh	Công ty CP Gạch tuynel Thanh Mai Bắc Giang	Tại thôn Quán Bông, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, Lục Nam	Sét gạch ngói	4,9	184.167/ 30.000	6 năm
28.	880/QĐ-UBND Ngày 29/9/2020	UBND tỉnh	Công ty CP Gạch tuynel Đa Thịnh	Tại xã Yên Lư, huyện Yên Dũng	Sét gạch ngói	10,08	266.470/ 49.000	7 năm
II.5	Đất san lấp (31 GP)							
29.	228/QĐ-UBND ngày 31/01/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty TNHH Hoàng Dương	Khu vực thôn Hồ Trúc, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	Đất san lấp	3,6	551.420/ 90.000	6,5 năm

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/công suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn Giấy phép
30.	903/QĐ-UBND ngày 25/6/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và tư vấn An Phát	Khu rừng Nghè và đồi Mươi, thôn Xuân Phú, xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam	Đất san lấp	5,5	714.401/ 160.000	05 năm
31.	1574/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Quang Huy	Khu vực Hồ Vầu, xã Tiên Hưng, huyện Lạng Giang	Đất san lấp	5,0	351.264/ 90.000	04 năm
32.	153/QĐ-UBND ngày 13/3/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng Trường Thịnh	Khu núi Khổng, thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức, huyện Việt Yên	Đất san lấp	5,0	893.436/ 480.000	04 năm
33.	1362/QĐ-UBND ngày 16/8/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty CP Mạnh Tuấn HD	Khu vực đồi Lương Rứa, thôn Lương Khoai, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam	Đất san lấp	4,0	574.231/ 95.000	đến tháng 10/2025
34.	579/QĐ-UBND ngày 18/4/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty TNHH 1TV Vĩnh Long	Khu vực núi Bồng, thôn Bồng, xã Phượng Sơn, Lục Ngạn	Đất san lấp	7,0	1.144.500/ 150.000	08 năm
35.	1150/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	Hợp tác xã khai thác khoáng sản và nuôi trồng thủy sản Tuấn Minh	Khu vực đồi Quăn, thôn Hòa Mục và thôn Xuân An, xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn	Đất san lấp	3,3	364.360/ 92.000	04 năm
36.	1363/QĐ-UBND ngày 16/8/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty cổ phần đầu tư Minh Hùng	Khu vực Rừng Từ, thôn Bến Trăm, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế	Đất san lấp	1,74	216.380/ 70.000	3,5 năm
37.	1363/QĐ-UBND ngày 04/11/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty cổ phần xây dựng kiến trúc và thương mại Green House	Khu vực núi Giá Sơn, núi Hữu Nghi và núi Nội Ninh, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên	Đất san lấp	6,5	1.015.388/ 250.000	7 năm
38.	2075/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty cổ phần Đầu tư 379	Khu Hồ Ráy, thôn An Phú, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam	Đất san lấp	4,5	756.432/ 150.000	6 năm
39.	366/QĐ-UBND ngày 06/5/2020	UBND tỉnh		Khu vực thôn Khả Lã 2, xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn	Đất san lấp	2,73	493.381/ 90.000	6 năm

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/công suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn Giấy phép
40.	698/QĐ-UBND ngày 08/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty TNHH thương mại Minh Khôi	Khu vực núi Quán Giếng, thôn Ngạc Lâu, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	Đất san lấp	4,0	691.076/ 116.000	06 năm
41.	654/QĐ-UBND ngày 31/3/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty TNHH khoáng sản Linh Trung	Khu núi Nghè, xã Minh Đức và xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên	Đất san lấp	1,6	195.295/ 80.000	03 năm
42.	636/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty TNHH thương mại dịch vụ và XD Phú Ngọc	Khu Hồ Chiêm, xã Bảo Sơn và khu Trại Chuột, xã Tam Di, huyện Lục Nam	Đất san lấp	7,6	636.043/ 145.000	4,5 năm
43.	234/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Nguyễn Tuấn	Khu vực đồi Chùa Am, Bờ Vành, thôn Am, thôn Tiêu, xã An Dương, huyện Tân Yên	Đất san lấp	7,0	762.748/ 78.000	10 năm
44.	435/QĐ-UBND ngày 11/3/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty TNHH sản xuất gạch ngói Ngọc Lý	Khu vực núi Am, thôn Ngọc Yên Trong, thôn Ngọc Yên Ngoài, xã Cao Xá, huyện Tân Yên	Đất san lấp	3,4	506.055/ 74.000	07 năm
45.	725/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	Công ty TNHH khai thác khoáng sản Hải Nam	Khu vực đồi Bờ Đắp, thôn Biêng, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	Đất san lấp	3,04	277.270/ 56.000	05 năm
46.	367/QĐ-UBND ngày 06/5/2020	UBND tỉnh	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bá Thiết	Khu vực Hòn Bồng Lớn, thôn Xi, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	Đất san lấp	3,9	382.879/ 96.000	04 năm
47.	360/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	UBND tỉnh	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lục Giang Sơn	Khu vực Bờ Lầy, thôn Phú Xuyên, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn	Đất san lấp	5,0	1.157.230/ 180.000	07 năm
48.	356/QĐ-UBND ngày 30/4/2020	UBND tỉnh	Công ty TNHH Quốc Kỳ	Khu vực núi Một (núi Rùa), Tiểu khu 6, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	Đất san lấp	4,38	918.095/ 170.000	06 năm
49.	359/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	UBND tỉnh	Công ty TNHH MTV Tiên Phương Bắc	Khu vực Khe Cô Tư, thôn Kép 11, xã Hương Sơn và thôn Má Bắp, xã Hương Lạc, Lạng Giang	Đất san lấp	4,0	384.834/ 100.000	04 năm

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/công suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn Giấy phép
50.	361/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	UBND tỉnh	Công ty TNHH Trung Hiếu	Khu vực Cây Vả, thôn Hố Vầu, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang	Đất san lấp	5,0	519.286/ 120.000	05 năm
51.	365/QĐ-UBND ngày 06/5/2020	UBND tỉnh	Công ty TNHH Một thành viên Ngọc Lương	Khu núi Ba Cây, thôn Núi, xã Việt Tiến và núi Liên, thôn Kẹm, xã Minh Đức, huyện Việt Yên	Đất san lấp	2,0	207.596/ 88.000	03 năm
52.	823/QĐ-UBND ngày 09/9/2020	UBND tỉnh	Trường Quân sự Quân đoàn 2	Khu Trường bắn, khe Đùng Đùng, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	Đất san lấp	11,2	546.215/ 280.000	02 năm
53.	299/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	UBND tỉnh	Công ty TNHH Thái Sơn Blu	Dự án đầu tư xây dựng “trung tâm vui chơi và dịch vụ du lịch” xã Tiên Phong	Đất san lấp	4,21	503647	11/2021
54.	135/QĐ-UBND ngày 09/2/2021	UBND tỉnh	Công ty CP Đầu tư xây dựng NHS	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hương Sơn, xã Hương Sơn, Lạng Giang	Đất san lấp	9	519.615	10/2022
55.	470/QĐ-UBND ngày 09/5/2020	UBND tỉnh				14,08	665.921/ 400.000	10/2022
56.	666/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	UBND tỉnh	Công ty TNHH khoáng sản Trung Bắc	Núi Hin, thôn Trại, xã Cao Xá, huyện Tân Yên	Đất san lấp	2,86	367.670/ 184.000	4/2024
57.	817/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	UBND tỉnh	Công ty TNHH xây dựng 899	Khu Rừng Làng, thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu, Lục Nam	Đất san lấp	2,6	339.492/ 68.000	7/2026
58.	868/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	UBND tỉnh	Công ty Cổ phần Đầu tư Golf Trường An	Dự án “Sân Golf Việt Yên” tại xã Hương Mai và xã Trung Sơn, huyện Việt Yên	Đất san lấp	6,6	456.299/ 400.000	6/2022
59.	999/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	UBND tỉnh	Công ty CP đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên	Cụm Công nghiệp Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên	Đất san lấp	31,17	1.525.440/ 762.720	6/2022
II.6	Cát, sỏi (25 GP)							

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/công suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn Giấy phép
60.	297/QĐ-UBND ngày 14/5/2018	UBND tỉnh	Công ty TNHH 1TV tư vấn dịch vụ đo vẽ bản đồ Việt Ngọc	Khu Bến Kép, Đoàn Kết, Thủ Dương, Mỹ An, thuộc xã Tân Lập, Tân Quang, Nam Dương, Mỹ An, huyện Lục Ngạn	Cát, sỏi	25,3	395.782/49.500	8,5 năm
61.	1177/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	UBND tỉnh		Lòng sông Lục Nam, khu vực Trại Thập, Tân Thịnh, thuộc các xã Tân Lập, Tân Quang, Đồng Cốc, huyện Lục Nam	Cát, sỏi bãi soi	20,02	225.000/45.000	5 năm
62.	1178/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	UBND tỉnh		Lòng sông Lục Nam, khu vực Khuôn A, thuộc các xã Đèo Gia, Phú Nhuận, huyện Lục Nam	Cát, sỏi bãi soi	20,02	225.000/45.000	5 năm
63.	144/QĐ-TNMT ngày 08/9/2011	Sở TN&MT	Công ty TNHH Tín Trung	Khu vực Bãi Độ Làng, xã Tiên Hưng, Tiên Nha và Cương Sơn, huyện Lục Nam	Cát, sỏi	30,5	397.007/10.000	10 năm
64.	205/QĐ-UBND ngày 11/4/2016	UBND tỉnh	Công ty cổ phần Việt Bắc	Khu vực Nhân Định và Đồng Tấu, xã Yên Định, huyện Sơn Động	Cát, sỏi	14,5	277.800/25.000	09 năm
65.	607/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	UBND tỉnh	Công ty TNHH Đại Hoàng Dương	Khu vực xã Bồ Hạ, Đồng Tâm, Đồng Kỳ, Tân Sỏi, huyện Yên Thế và xã Hợp Đức, H. Tân Yên	Cát, sỏi lòng sông	14,6	127.992/16.500	08 năm
66.	512/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	UBND tỉnh	Hợp tác xã khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng Cương Sơn	Khu vực Cẩm Y thuộc thị trấn Lục Nam và các xã Tiên Hưng, Huyện Sơn, Khám Lạng, huyện Lục Nam	Cát, sỏi	22,74	312.788/32.000	10 năm
67.	373/QĐ-UBND ngày 11/6/2019	UBND tỉnh	Công ty TNHH 1TV Chiến Yên	Khu vực bãi soi Xuân Biều, thôn Xuân Giang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa	Cát, sỏi bãi soi	3,0	234.817/48.000	5,5 năm

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/công suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn Giấy phép
68.	363/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 (điều chỉnh)	UBND tỉnh	Hợp tác xã khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng Yên Sơn	Khu vực thôn Chấn Đồng, Chấn Làng, Trại Cầu, xã Yên Sơn và thôn Vũ Trù Làng, thôn Dăm, xã Vũ Xá, huyện Lục Nam	Cát, sỏi	17,0	172.072/ 32.000	đến ngày 31/12/2022
69.	209/QĐ-UBND ngày 13/4/2016	UBND tỉnh	Công ty TNHH Nhật Quang	Bãi sỏi Họ, thôn Vạn Thạch và bãi sỏi Lập, thôn Lạc Yên 2, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa	Cát, sỏi bãi sỏi	3,11	97.004/ 24.000	05 năm
70.	237/QĐ-UBND ngày 27/4/2016	UBND tỉnh	Công ty TNHH khoáng sản Yên Anh	Khu vực xã Đèo Gia và xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn	Cát, sỏi	34,9	283.715/ 24.000	12 năm
71.	339/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	UBND tỉnh	Công ty cổ phần đầu tư Đức Long	Bãi sỏi Liễu Ngạn và bãi sỏi Chúa, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa	Cát, sỏi bãi sỏi	3,5	138.990/ 28.000	5,5 năm
72.	753/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	UBND tỉnh		Khu vực bãi sỏi Ninh Tào, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	Cát, sỏi bãi sỏi	4,0	186.827/ 24.582	7,5 năm
73.	340/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	UBND tỉnh	Công ty TNHH Đại Hồng Phúc	Khu vực Dầm Đình, Xóm Bền thuộc xã Huyền Sơn, Khám Lạng, Bắc Lũng, huyện Lục Nam	Cát, sỏi	40,9	474.000/ 32.000	15,5 năm
74.	594/QĐ-UBND ngày 07/10/2016	UBND tỉnh	Công ty TNHH 1TV Giai Thị	Khu vực thôn Chiên Sơn, thôn Tân Quang, xã Chiên Sơn và thôn Cẩm Đàn, thôn Ao Giang, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động	Cát, sỏi	3,79	80.522/ 12.000	05 năm
75.	743/QĐ-UBND ngày 19/12/2016	UBND tỉnh	Công ty TNHH 1TV Thành Thảo	Khu vực thôn Đồng Bộc, thôn Cẩm Nang, thôn Nghè 1, 2, xã Tiên Nha, thôn Vườn, An Lễ, xã Cương Sơn, thôn Ngạc Làng, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam và thôn Phú Xuyên, xã Phượng Sơn, Lục Ngạn	Cát, sỏi	22,7	276.580/ 31.000	06 năm
76.	780/QĐ-UBND ngày 13/11/2017	UBND tỉnh	Công ty TNHH phát triển xây dựng Long Dương	Bãi sỏi Xạ (Ông Xạ), xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa	Cát, sỏi bãi sỏi	5,0	269.420/ 44.000	06 năm

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/công suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn Giấy phép
77.	362/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	UBND tỉnh	Công ty cổ phần xây dựng kiến trúc và thương mại Green House	Khu vực lòng sông Cầu thuộc thôn Hữu Nghi, xã Ninh Sơn và thôn Kim Sơn, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên	Cát, sỏi	5,2	87.631/ 18.000	05 năm
78.	565/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	UBND tỉnh	Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh VLXD Thôn Lạnh	Khu Bến Lạnh, thôn Lạnh, khu Đá Vách, thôn Lạnh và khu Quảng Hái, thôn Thia, xã Lệ Viễn, huyện Sơn Động	Cát, sỏi	4,475	40.220/ 4.500	9,5 năm
79.	687/QĐ-UBND ngày 02/11/2018	UBND tỉnh	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Hưng Tín	Khu vực bãi soi Đồng Đạo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	Cát, sỏi bãi soi	3,5	261.704/ 48.000	06 năm
80.	415/QĐ-UBND ngày 27/6/2019	UBND tỉnh	Công ty cổ phần Đầu tư 286 (nhận chuyển nhượng của DN tư nhân Quang Hùng)	Khu vực lòng sông Lục Nam thuộc xã Phượng Sơn, Mỹ An, huyện Lục Ngạn và xã Trường Giang, huyện Lục Nam	Cát, sỏi	26,51	399.680/ 25.000	đến tháng 01/2025
81.	294/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	UBND tỉnh	Công ty TNHH đầu tư thương mại Công Minh	Khu vực bãi soi Cẩm Bào, xã Xuân Cẩm và bãi soi Xuân Biều, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa	Cát, sỏi bãi soi	1,5	125.724/ 31.431	04 năm
82.	375/QĐ-UBND ngày 11/6/2019	UBND tỉnh	Công ty TNHH khai khoáng Dũng An Phát	Khu vực bãi soi Đồng Vân và bãi soi Giang Đông, xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa	Cát, sỏi bãi soi	3,1	98.177/ 20.000	05 năm
83.	532/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	UBND tỉnh	Công ty TNHH Quỳnh Phương	Khu vực bãi soi Hương Ninh, thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	Cát, sỏi bãi soi	5,0	151.986/ 40.000	08 năm
84.	871/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	UBND tỉnh	Công ty TNHH Cổ phần Cảng Tiên Du	Khu vực bãi soi Hương Ninh, thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	Cát, sỏi bãi soi	3,5	228.154/ 40.000	6/2026

**PHỤ LỤC III. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2025**

Số TT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện
		Chủ trì	Phối hợp	
1	Tổ chức hội nghị triển khai Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành; Đề án tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh, đến năm 2025	Sở TN&MT, UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2022
2	Xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền, tập huấn pháp luật về khoáng sản	Sở TN&MT	Các Sở, ngành có liên quan; UBND cấp huyện	Năm 2022
3	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thủ tục hành chính về lĩnh vực khoáng sản	Sở TN&MT	Các Sở, ngành có liên quan; UBND cấp huyện	Hàng năm
4	Tổ chức hội nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong việc thực thi quy định pháp luật về khoáng sản	Sở TN&MT	Các Sở, ngành có liên quan; UBND cấp huyện	Hàng năm
5	Kiện toàn Tổ công tác liên ngành quản lý khoáng sản tại các huyện và TP Bắc Giang	UBND các huyện, TP	Các ngành chức năng của các huyện, TP, UBND các xã, phường liên quan	Khi có sự thay đổi về tổ chức nhân sự
6	Thành lập (hoặc kiện toàn) Tổ công tác quản lý khoáng sản ở các xã	UBND cấp xã	Công an, Xã đội, các ban ngành đoàn thể cấp xã	Từ quý II/2022
7	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trình UBND tỉnh phê duyệt	Sở TN&MT	Các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Hàng năm
8	Lập, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản hàng năm và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Sở TN&MT	Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Công Thương, Xây dựng, KH&ĐT, UBND cấp huyện	Hàng năm
9	Kiểm tra hoạt động khoáng sản và công tác quản lý nhà nước về khoáng sản của các xã, phường để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản phức tạp, kéo dài	UBND các huyện, thành phố	UBND cấp xã có liên quan	Từ năm 2022

Số TT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện
		Chủ trì	Phối hợp	
10	Xây dựng quy định về quản lý, sử dụng khoản thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác	Sở Tài chính	Các ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Quý III/2022
11	Xây dựng và tổ chức ký kết Quy chế phối hợp, quản lý khoáng sản tại các khu vực giáp ranh giữa các huyện, thành phố	UBND cấp huyện	Các ngành có liên quan ở tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Quý II/2022
12	Bố trí dự toán kinh phí hàng năm chi cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Sở TN&MT, các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Hàng năm, từ quý I/2022
13	Tiếp tục triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước chống thất thu thuế trong lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Cục Thuế tỉnh	Các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Hàng năm, theo kế hoạch
14	Tổ chức xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư đối với các mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản của UBND tỉnh	Sở TN&MT	Các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Hàng năm, theo kế hoạch
15	Rà soát, bổ sung kết quả “Khoanh định khu vực cấm hoạt động khai thác, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh”	Sở TN&MT	Các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Từ quý III/2022
16	Tính, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm; tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực chưa thăm dò	Sở TN&MT	Cục Thuế tỉnh và các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Hàng năm
17	Kiểm soát chặt chẽ sản lượng khai thác khoáng sản thực tế của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản	Sở TN&MT	Cục Thuế tỉnh và các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Hàng năm

Số TT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện
		Chủ trì	Phối hợp	
18	Kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện thiết kế mỏ, quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản; các cơ sở chế biến, sử dụng khoáng sản có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Sở Công Thương	Các Sở: TN&MT, các ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Hàng năm
19	Rà soát, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các nhà máy gạch tuynel đang hoạt động trên địa bàn tỉnh chưa được cấp phép mỏ sét gạch ngói hoặc chưa có nguồn nguyên liệu hợp pháp	Sở Xây dựng	Các Sở: TN&MT, Công thương, các ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Hàng năm